TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN O THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 136 /2018/KDTM-ST
Ngày: 12/6/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN O, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thái Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Tình Thanh Phước

Bà Lê Thị Tự

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diệu Thương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 5 và 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 490/2016/TLST–KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1480/2018/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1867 /2018/QĐST- KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu T

Địa chỉ: Tầng S, Tòa nhà cao ốc số X đường B, Phường M, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Trần Văn Bảo Q; trú tại: Số T đường Q, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/10/2017) (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH H.

Địa chỉ: Số K đường F, phường V, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Bà Trầm Thị Mỹ H; trú tại: Số N đường F, phường G, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa Nguyên đơn - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T có Ông Trần Văn Bảo Q người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/12/2012, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu T (viết tắt là Công ty T) và Công ty TNHH H (viết tắt là Công ty H) ký hợp đồng nguyên tắc cung cấp lốp xe số 18122012; quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã cung cấp lốp xe theo yêu cầu của Công ty H. Tính đến tháng 3/2015 Công ty H còn nợ Công ty T tiền mua lốp xe của các hóa đơn: Số 0001092 ngày 06/3/2014 là 5.399.999 đồng, số 0001136 ngày 18/3/2014 là 5.399.999 đồng, số 0001174 ngày 31/3/2014 là 5.399.999 đồng, số 0001221 ngày 08/4/2014 là 5.399.999 đồng, số 0001320 ngày 02/5/2014 là 5.399.999 đồng, số 0001471 ngày 29/5/2014 là 5.399.999 đồng, số 0001698 ngày 08/7/2014 là 5.399.999 đồng, số 0001703 ngày 09/7/2014 là 8.639.998 đồng, số 0001717 ngày 11/7/2014 là 4.319.999 đồng, số 0001728 ngày 14/7/2014 là 5.399.999 đồng, số 0001756 ngày 18/7/2014 là 2.160.000 đồng, số 0001808 ngày 29/7/2014 là 2.099.999 đồng, số 0000386 ngày 29/01/2015 là 3.168.479 đồng, số 0000469 ngày 09/02/2015 là 3.168.479 đồng, số 0000504 ngày 13/02/2015 là 4.224.638 đồng, số 0000670 ngày 23/3/2015 là 1.056.160 đồng; tổng cộng là 72.037.744 đồng; Công ty H đã thanh toán được 3.965.667 đồng hiện nay còn nợ 68.072.077 đồng. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty H trả cho Công ty T số tiền mua lốp xe còn nợ là 68.072.077 đồng.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn - Công ty TNHH H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa :

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T thay đổi yêu cầu Tòa án buộc Công ty H trả cho Công ty T số tiền còn nợ của các hóa đơn do Công ty T xuất cho Công ty H, đã được kê khai tại Chi cục thuế Quận O; tổng cộng là 62.672.078 đồng. Công ty T không đòi số tiền 5.399.999 đồng của hóa đơn số 0001698 ngày 08/7/2014.

Bị đơn - Công ty TNHH H vắng mặt tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Quận O thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập chứng cứ, xác minh địa chỉ trụ sở của bị đơn làm cơ sở giải quyết vụ án; tiến hành thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ được gửi cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 18122012 và Bảng đối chiếu công nợ đến ngày 31/12/2015 cho thấy bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 68.072.077 đồng. Tuy nhiên, đây chỉ là hợp đồng nguyên tắc, Bảng đối chiếu công nợ là bản pho to, nguyên đơn không cung cấp được bản chính nên không có giá trị chứng minh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp các hóa đơn giá trị gia tăng do phía nguyên đơn xuất cho bị đơn. Căn cứ kết quả xác minh của Chi cục thuế Quận O thể hiện, phía bị đơn có mua hàng của nguyên đơn; tuy nhiên, có 01 hợp đồng ngày 08/7/2014 Công ty H không kê khai hợp đồng mua vào của Công ty T. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu trả tiền của hợp đồng này. Do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T có đơn khởi kiện Công ty TNHH H đòi số tiền mua lốp xe còn nợ; đây là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại, Công ty TNHH H có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn - Công ty TNHH H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn như quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của Công ty T đòi Công ty H trả số tiền mua lốp xe còn nợ là 62.672.078 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; xét thấy, có đủ cơ sở xác định: Ngày 18/12/2012 Công ty T và Công ty H có ký Hợp đồng nguyên tắc cung cấp lốp xe số 18122012/HĐNT/TA-TRT, việc thỏa thuận mua bán lốp xe giữa Công ty T và Công ty H phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại, nên có hiệu lực pháp luật.

Tại Tòa Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T khai tính đến tháng 3/2015 Công ty H còn nợ Công ty T số tiền mua lốp xe là 68.072.077 đồng và có xuất trình các Bảng đối chiếu công nợ ngày 13/8/2015 và ngày 31/12/2015 ký giữa Công ty T và Công ty H để chứng minh; tuy nhiên, hợp đồng hai bên ký là hợp đồng nguyên tắc, các Bảng đối chiếu công nợ là bản pho to không có chứng

thực sao y bản chính; người đại diện theo ủy quyền của Công ty T không xuất trình được bản chính để đối chiếu; do đó, các tài liệu này không được xem là chứng cứ để chứng minh.

Căn cứ nội dung công văn số 40644/CCT-KTT8 ngày 11/6/2018 của Chi cục thuế Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp tài liệu; thì trong các hóa đơn giá trị gia tăng Công ty T xuất trình tại phiên tòa, Công ty H không kê khai hóa đơn số 0001698 ngày 08/7/2014 với số tiền là 5.399.999 đồng; do đó, có cơ sở xác định Công ty H có mua lốp xe của Công ty T theo các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T xuất cho Công ty H đã được kê khai tại Chi cục thuế Quận O.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty T thay đổi yêu cầu không đòi số tiền 5.399.999 đồng của hóa đơn số 0001698 ngày 08/7/2014; Công ty T yêu cầu Tòa án buộc Công ty H trả số tiền của các hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty T xuất cho Công ty H đã được kê khai tại Chi cục thuế Quận O; sau khi trừ số tiền Công ty H đã thanh toán là 3.965.667 đồng thì Công ty H còn phải trả cho Công ty T là 62.672.078 đồng.

Xét, việc thay đổi yêu cầu của Công ty T không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời, yêu cầu của Công ty T đòi Công ty H trả số tiền mua lốp xe còn nợ 62.672.078 đồng là phù hợp quy định tại Điều 50 Luật Thương mại nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Công ty TNHH H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số 62.672.078 đồng phải trả cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T là 3.133.604 đồng;

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003703 ngày 06/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 24, Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T;

Buộc Công ty TNHH H trả cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T số tiền mua lốp xe còn nợ là 62.672.078 đồng (sáu mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn không trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Công ty TNHH H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.133.604 đồng (ba triệu một trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm lẻ bốn đồng);

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003703 ngày 06/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty Cổ phần XNK T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận O, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận O, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thái Hằng